



BẢN TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP

Phân tích Giới trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo Bền vững

(giai đoạn 2016–2020)

SUMMARY OF THE INDEPENDENT EVALUATION REPORT

Gender Analysis of the National Target Programme on Sustainable Poverty Reduction

(2016–2020)



Acknowledgement

The Gender Analysis of the National Target Programme on Sustainable Poverty Reduction (2016-2020) would not be possible without the contributions and participation of many agencies, organisations, and individuals.

We would like to thank the People's Committee, the Department of Labour, the Invalid and Social Affairs and other relevant agencies in Lao Cai, Bac Kan, Ninh Thuan, anh Tra Vinh for giving us favorable conditions to carry out the analysis. We also thank the leaders and technical staff in the provincial and district-level departments and agencies, and the authorities and community groups in the communes of the above provinces for their warmhearted participation in the discussions.

We are especially grateful for the interest and smooth coordination of the leaders and staff of the National Office for Poverty Reduction and the local partners of CARE International in Vietnam, Oxfam in Vietnam, and SNV Vietnam in the surveyed areas.

Last but not least, we would like to thank consultants Pham Thai Hung and Nguyen Thu Huong for helping us with conducting the analysis and finalising this report.

Lời cảm ơn

Báo cáo Phân tích giới trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững 2016-2020 đã không thể hoàn thành nếu thiếu sự đóng góp và tham gia của rất nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Chúng tôi xin cảm ơn sự cho phép và tạo điều kiện thuận lợi của Ủy ban Nhân dân; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các sở ban ngành liên quan tại các tỉnh Lào Cai, Bắc Kạn, Ninh Thuận, Trà Vinh. Xin cảm ơn lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các sở ngành cấp tỉnh, huyện; chính quyền và các nhóm cộng đồng ở các xã thuộc 4 tỉnh trên đã tham gia nhiệt tình vào trong các cuộc trao đổi, thảo luận, cung cấp thông tin nằm trong khuôn khổ của đánh giá.

Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và điều phối nhịp nhàng của lãnh đạo và cán bộ Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo, các đối tác địa phương của tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam, Oxfam tại Việt Nam và Tổ chức Phát triển Hà Lan tại các tỉnh khảo sát.

Cuối cùng, xin cảm ơn nhóm tư vấn Phạm Thái Hưng và Nguyễn Thu Hương đã giúp chúng tôi thực hiện đánh giá và hoàn thành báo cáo này.

Introduction

The Ministry of Labour, the Invalid and Social Affairs (MOLISA) takes the lead role in conducting the midterm review of the 2016-2020 National Target Programme on Sustainable Poverty Reduction (NTP-SPR) in the context that the programme has gone through half of its implementation period. As part of this midterm review, the consortium comprised of CARE International in Vietnam, Oxfam in Vietnam, and SNV Viet Nam carried out the independent gender evaluation in collaboration with the National Office for Poverty Reduction (NOPR). The evaluation is funded by the Australian Department of Foreign Affairs and Trade via the Women's Economic Empowerment through Agricultural Value Chain Enhancement (WEAVE) project.

The **main objective** of this activity is to assess how the NTP-SPR principles and implementation mechanisms related to gender mainstreaming have been applied in practice, what results the implementation of these principles and mechanisms has generated, and what have driven or hindered the participation and benefit of women in the implementation of the NTP-SPR (and a number of other poverty reduction policies). From these assessments, recommendations will be offered to promote gender equality in the implementation of the upcoming NTP-SPR, and suggestions will be made to mainstream gender into the dialogue around and the designing of poverty reduction policy framework after 2020.

In addition to the review of secondary documents, the evaluation team conducted **consultations at national level** with various related ministries, agencies and development partners as well as **surveys in the four provinces of Lao Cai, Bac Kan, Ninh Thuan and Tra Vinh**. The surveys covered four districts, eight communes and 24 hamlets of diversified ethnicity and socio-economic features. **The survey sample included 401 participants**, including 200 household representatives (with 90 per cent of them belonging to minority ethnic groups and nearly 65 per cent being women) and 201 officials at different levels (with women accounting for 45 per cent).

Giới thiệu

Báo cáo phân tích giới là một trong những hoạt động nằm trong khuôn khổ đánh giá giữa kỳ Chương trình Mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững (CTMTQG GNBV) giai đoạn 2016-2020 do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) chủ trì. Báo cáo là sản phẩm hợp tác giữa Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo và ba tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam, Oxfam tại Việt Nam và Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV) Việt Nam thông qua dự án Nâng cao Vị thế Kinh tế của Phụ nữ thông qua thúc đẩy chuỗi giá trị nông nghiệp (WEAVE) do Bộ ngoại giao và Thương mại Australia tài trợ.

Mục tiêu chính là đánh giá các nguyên tắc và cơ chế tổ chức thực hiện của CTMTQG GNBV liên quan đến lồng ghép giới đã được thực hiện như thế nào trong thực tế; việc thực hiện những nguyên tắc và cơ chế này đã mang lại những kết quả ra sao về bình đẳng giới; đâu là các yếu tố thúc đẩy hoặc cản trở sự tham gia và hưởng lợi của phụ nữ từ các hoạt động của CTMTQG GNBV (và một số chính sách giảm nghèo liên quan khác). Căn cứ vào đó, đánh giá đưa ra những khuyến nghị để thúc đẩy bình đẳng giới trong thực hiện hợp phần tiếp theo của CTMTQG GNBV, cũng như những gợi ý khả dụng đảm bảo lồng ghép giới cho quá trình đối thoại và thiết kế khung chính sách giảm nghèo sau 2020.

Bên cạnh nghiên cứu các tài liệu thứ cấp, nhóm đánh giá thực hiện **tham vấn ở cấp trung ương** với một số bộ ngành hữu quan và các đối tác phát triển, và **khảo sát tại 4 tỉnh Lào Cai, Bắc Kạn, Ninh Thuận, và Trà Vinh**. Địa bàn khảo sát gồm 4 huyện, 8 xã, và 24 thôn bản với nhiều thành phần dân tộc khác nhau và đặc điểm về phát triển kinh tế-xã hội khác nhau. **Mẫu khảo sát gồm 401 đối tượng** khác nhau, gồm 200 đại diện các hộ gia đình (90% là dân tộc thiểu số; gần 65% là nữ) và 201 là cán bộ các cấp (45% là nữ).

Gender mainstreaming mechanism in the 2016–2020 NTP–SPR

Gender equality mainstreaming is underpinned in the 2016-2020 NTP-SPR with the principle of ‘giving priority to women’, which is consistently indicated in the design dossier as well as in other related documents. **According to the programme design**, Decision No. 1722/QD-TTg, the programme targets poor households, near-poor households and households just escaping poverty nationwide, **with priority given to poor ethnic minority households and women of poor households**. All specific contents of the Programme identify women as the prioritised beneficiary.

Relevant legal documents, including Circular No. 01/2017/TT-KHDT providing guidance on the investment planning at commune level and Circular No. 01/2017/TT-UBDT guiding the implementation of Programme 135, regulate that women must account for at least 30 per cent of the participants in hamlet-level planning meetings. Other documents such as Circular No. 15/2-17/TT-BCT on management of non-business capital in the implementation of NTP-SPR and Circular No. 18/2017/TT-NNPTNT apply the principle of ‘giving priority to women’ in terms of participating in projects on production development (PD) and in replicating poverty reduction model (RPRM) as well as in capacity building activities and labour export. In terms of monitoring and evaluation, MOLISA also issued Circular No. 39/2016 to regulate a series of indicators about gender-disaggregated information.

The **handbooks** prepared by the National Office for Poverty Reduction provided guidance on annual NTP-SPR planning in association with socio-economic development planning at commune level; investment in infrastructure development following the special and simplified mechanism; monitoring and evaluation, communications on poverty reduction and public jobs. These documents provide detailed guidance with many parts about gender mainstreaming. However, these handbooks are not legal documents and work as reference documents only.

The current NTP-SPR does not entail significant changes in terms of gender mainstreaming approach in comparison to its earlier version of 2012-2015. **‘Giving priority to women’** remains the basic principle of gender mainstreaming and has not been specified into explicit mechanisms or guidance. In short, the 2016-2020 NTP-SPR can be considered as ‘gender-sensitive’ without solid gender mainstreaming mechanisms in place.

Cơ chế lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV 2016-2020

CTMTQG GNBV 2016-2020 lồng ghép bình đẳng giới qua nguyên tắc ‘ưu tiên phụ nữ’ được thể hiện xuyên suốt trong văn kiện thiết kế và các văn bản liên quan. **Theo thiết kế chương trình**, căn cứ vào QĐ1722/2016/QĐ-TTg, đối tượng chung của Chương trình được quy định là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi cả nước; **ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo**. Các nội dung cụ thể của Chương trình đều xác định đối tượng hưởng lợi ưu tiên là phụ nữ.

Theo các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) liên quan, Thông tư 01/2017/TT-KHDT hướng dẫn về lập kế hoạch đầu tư cấp xã và Thông tư 01/2017/TT-UBND hướng dẫn riêng cho Chương trình 135 quy định tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong các cuộc họp lập kế hoạch cấp thôn tối thiểu là 30%. Các văn bản khác như Thông tư 15/2017/TT-BCT về quản lý vốn sự nghiệp trong CTMTQG GNBV và Thông tư 18/2017/TT-NNPTNT quy định nguyên tắc ‘**ưu tiên phụ nữ**’ tham gia dự án phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo, nâng cao năng lực, xuất khẩu lao động. Về giám sát đánh giá, Bộ LĐTBXH ban hành Thông tư 39/2016 có quy định một số chỉ số cần thu thập thông tin phân tổ theo giới.

Các Sổ tay hướng dẫn do Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo chủ trì biên soạn gồm các Sổ tay hướng dẫn về công tác lập kế hoạch hàng năm thực hiện CTMTQG GNBV gắn với lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp xã; thực hiện đầu tư hạ tầng theo cơ chế đặc thù rút gọn, giám sát đánh giá, truyền thông giảm nghèo, việc làm công là các tài liệu hướng dẫn chi tiết, có nhiều nội dung hướng dẫn về thực hiện lồng ghép giới. Tuy nhiên, bộ sổ tay này không phải là VBQPPL và chỉ mang tính tham chiếu.

So sánh với giai đoạn 2012-2015 thì CTMTQG GNBV **giai đoạn hiện tại chưa có thay đổi đáng kể gì về cách tiếp cận lồng ghép giới**. Nguyên tắc cơ bản để lồng ghép giới vẫn là ‘**ưu tiên phụ nữ**’ và nguyên tắc này cũng chưa được cụ thể hóa bằng những cơ chế, hướng dẫn cụ thể. Một cách ngắn gọn nhất, CTMTQG GNBV 2016-2020 có thể coi là ‘nhạy cảm về giới’ song chưa có các cơ chế lồng ghép giới mạnh mẽ.

1. Gender mainstreaming in the 2016–2020 NTP–SPR

1.1. Gender mainstreaming in NTP-SPR planning activities

Participatory planning is an important mechanism to ensure the voice and priorities of different communities, particularly women, to be listened and promoted while identifying NTP-SPR's prioritised activities. However, a **full and consistent guidance for planning activity** has not been available. At national level, the only guidance is on the planning of NTP-SPR investments at commune level (Circular No. 01/2017/TT-KHDT); no guidance on the planning of activities using non-business fund is in place. In the surveyed areas, the socio-economic development planning at commune level has been institutionalised under the projects that were implemented in collaboration with development partners. Unfortunately, many measures ensuring the meaningful participation of the public, particularly of the marginalised groups, were simplified or dismissed during such institutionalisation process with the justification of matching with staff capacity and available resources.

Most of the authorities in the surveyed areas revealed that the rate of women's participation in planning meetings was relatively high. The requirement of at least 30 per cent women participants stipulated in Circular No. 01/2017/TT-KHDT is considered manageable at ease without the need to take any special measure. However **the quality of their participation is assessed as not high**. Popular reasons for such judgment include: Women are not confident to share their opinions; women do not have a decisive voice in consultative meetings (and that they have to ask for their husband's opinion after the meetings); age/generation barriers; meeting organisation/ management method did not encourage women's interest and participation; limited facilitation capacity of the commune/ hamlet officials. It should also be noted that the high rate of women's participation in certain meetings was partly due to the fact that men were away for work. **In communes without projects with development partners, consultations at hamlet level during planning process were often omitted**. Only hamlet representatives were invited to give comments to the commune's draft plan, hence the local residents including women did not have opportunities to provide their inputs directly.

1. Thực trạng lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV (2016–2020)

1.1. Về thực hiện lồng ghép giới trong công tác lập kế hoạch của CTMTQG GNBV

Lập kế hoạch có sự tham gia là một cơ chế quan trọng nhằm đảm bảo tiếng nói và ưu tiên của các nhóm cộng đồng khác nhau, đặc biệt là phụ nữ, được phát huy trong quá trình xác định các hoạt động ưu tiên của CTMTQG GNBV. Nhưng hiện nay **chưa có hướng dẫn đầy đủ và thống nhất về công tác lập kế hoạch (LKH)**. Ở cấp Trung ương mới chỉ hướng dẫn về LKH vốn đầu tư của CTMTQG GNBV ở cấp xã (Thông tư 01/2017/TT-KHĐT), chưa có hướng dẫn về LKH cho các hoạt động sử dụng vốn sự nghiệp. Tại các địa bàn khảo sát, quy trình LKH phát triển kinh tế-xã hội cấp xã đã được thể chế hóa từ kết quả của các dự án hợp tác với các đối tác phát triển. Đáng tiếc là, khi thể chế hóa thì rất nhiều các biện pháp đảm bảo sự tham gia thực chất của người dân, nhất là các đối tượng yếu thế, đã bị lược bỏ hoặc đơn giản hóa với lý do là để phù hợp với năng lực cán bộ và nguồn lực.

Về tổ chức thực hiện tại địa bàn khảo sát, hầu hết các địa phương đều cho biết **tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các cuộc họp LKH là khá cao**. Tỷ lệ tối thiểu 30% như trong Thông tư 01/2017/TT-KHĐT được đánh giá là dễ dàng đạt được mà không cần biện pháp gì đặc biệt. Tuy nhiên, **chất lượng tham gia được nhìn nhận là chưa cao**. Lý do được lý giải thường là: thiếu tự tin trong chia sẻ ý kiến, không có tiếng nói quyết định tại cuộc họp tham vấn (mà phải về tham khảo ý kiến chồng), các rào cản về tuổi tác/thế hệ, hay cách thức tổ chức/điều hành cuộc họp chưa khuyến khích được sự quan tâm và tham gia, kỹ năng thúc đẩy của cán bộ xã/thôn còn hạn chế. Ngoài ra, tỷ lệ tham gia của phụ nữ trong các cuộc họp cao cũng một phần là do đàn ông bận đi làm thuê, làm công ở xa. Tại **các xã không có dự án hợp tác nào với các đối tác phát triển thì tham vấn ở cấp thôn trong quá trình LKH thường bị bỏ qua**. Chỉ có đại diện của thôn được mời tham gia góp ý cho dự thảo kế hoạch của xã nên người dân, trong đó có phụ nữ, không có cơ hội góp ý trực tiếp.

1.2 Gender mainstreaming in investments in infrastructure development

Infrastructure investments account for nearly 76 per cent of the total budget of the 2016-2020 NTP-SPR. Gender mainstreaming in infrastructure development is reflected in ***mechanisms on promoting women's participation in the identification of priorities during a planning process; prioritising works in which more female beneficiaries are involved; prioritising women's participation in paid activities; and infrastructure investment following the special mechanism*** (i.e. Decree No. 161) that gives opportunities for women to participate in community groups that carry out infrastructure works themselves.

In fact, ***gender dimension is quite 'blurry' in infrastructure investments of the NTP-SPR***. The consultations with infrastructure appraisal and approval authorities showed no evidence that a facility with more female beneficiaries has been given priority in the selection and approval process. With regards to the ***investment implementation***, the special mechanism for investments using NTP-SPR fund was only adopted in theory and ***has not been implemented in practice*** in the surveyed areas although this mechanism has been applied in these areas for investments using the fund of the National Target Programme on New Rural Development (NTP-NRD) or other projects. The popular perspective remains that infrastructure works are 'hard' or "technical", and therefore "not suitable" for women, although female interviewees disagreed with this perspective.

1.3 Gender mainstreaming in production development, livelihood diversification and replicating poverty reduction models

Support to production development (PD), livelihood diversification and replicating poverty reduction models (RPRM) accounts for 18.8 per cent of the total budget of 2016-2020 NTP-SPR. According to the regulations, these activities are provided to groups and follow the project's mechanisms. However, due to the late issuance of Circular No. 18/2017/TT-BNNPTNT, the first half period of implementing the current programme actually applied mechanisms of the 2012-2015 NTP-SPR. Even then, ***'giving priority to women'*** remained the main principle.

The survey showed that the NTP-SPR list of PD support focused on certain key plants/animals without expanding to more diversified varieties. Meanwhile, projects funded by IFAD or WB in the same area had much more diversified lists of livelihood support. This shortcoming was attributed to the ***lack of public participation in the selection of supporting activities for PD***, livelihood

1.2 Về thực hiện lồng ghép giới trong các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng

Hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT) chiếm gần 76% tổng kinh phí của CTMTQG GNBV 2016-2020. Lồng ghép giới trong phát triển CSHT được thể hiện qua *các cơ chế như phát huy sự tham gia của phụ nữ trong quá trình xác định ưu tiên khi LHK; ưu tiên các công trình có nhiều phụ nữ là đối tượng hưởng lợi; ưu tiên phụ nữ tham gia hoạt động được trả công; thực hiện đầu tư CSHT theo cơ chế đặc thù* (tức Nghị định 161), trong đó phụ nữ có cơ hội tham gia vào các nhóm cộng đồng tự thực hiện các công trình CSHT.

Trên thực tế, *khía cạnh giới trong thực hiện đầu tư CSHT trong CTMTQG GNBV khá ‘mờ nhạt’*. Không có bằng chứng từ kết quả tham vấn với các cán bộ có thẩm quyền trong thẩm định và phê duyệt các công trình CSHT cho thấy các công trình CSHT có nhiều phụ nữ hưởng lợi được ưu tiên trong quá trình lựa chọn và phê duyệt kế hoạch. *Về tổ chức thực hiện*, cơ chế đầu tư đặc thù từ nguồn vốn của CTMTQG GNBV mới chỉ bắt đầu triển khai về chủ trương (dù đã được áp dụng từ nguồn vốn CTMTQG NTM hay các dự án khác trên địa bàn) nên *chưa được triển khai thực tế* tại địa bàn khảo sát. Quan niệm phổ biến về việc làm công cho phụ nữ từ các công trình CSHT là việc tham gia làm công tại các công trình CSHT là công việc “nặng nhọc” hay đòi hỏi về mặt “kỹ thuật”, vì vậy “không thích hợp” với phụ nữ (mặc dù qua phỏng vấn, chị em phụ nữ không đồng ý với quan điểm này).

1.3 Về thực hiện lồng ghép giới trong các hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, và nhân rộng mô hình giảm nghèo

Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (PTSX), đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (NRMHGN) chiếm 18,8% tổng kinh phí của CTMTQG GNBV 2016-2020. Theo quy định, các hoạt động này được hỗ trợ cho các tổ nhóm và theo cơ chế dự án. Nhưng do Thông tư 18/2017/TT-BNNPTNT ban hành muộn nên trong nửa đầu chu kỳ thực hiện CTMTQG GNBV, các hoạt động này vẫn triển khai theo cơ chế của CTMTQG GNBV giai đoạn 2012-2015. Theo đó, *nguyên tắc ‘ưu tiên phụ nữ’* tham gia vẫn là nguyên tắc chính.

Kết quả khảo sát cho thấy danh mục hỗ trợ PTSX của CTMTQG GNBV tập trung chính vào một số cây/con chủ lực, thiếu tính đa dạng. Trong khi đó, một dự án vay vốn từ IFAD hay Ngân hàng Thế giới trên cùng địa bàn thì danh mục hỗ trợ sinh kế đa dạng hơn rất nhiều. Lý do của sự khác biệt này là *thiếu sự tham gia của người dân trong lựa chọn các hoạt động hỗ trợ PTSX*, đa dạng hóa sinh kế, và NRMHGN. Với nhiều trường hợp, dù xã làm chủ đầu tư nhưng quyết định cụ thể

diversification and RPRM. In many cases, though the commune authorities were the Investors, contents of the support were subject to instructions from district or even provincial level. ***This contributes to the PD supporting activities being unable to meet women's demand in diversifying livelihoods.***

Gender has not been considered a prioritised criterion in the selection of households who receive support for PD and RPRM in the surveyed areas. The popular procedure is that, following the approval of a PD project, commune authorities will allocate to each hamlet the number of households to participate in the project, then hamlet officials will convene voting meetings to select project beneficiaries. In such meetings, the criteria were poor or nearly poor households, having suitable production equipment and labour. In many localities, resources were often given to households that registered to escape poverty.

While playing a limited role in the planning process of the approved projects on PD and RPRM, women play a key role in implementing these projects and are main participants in technical training courses. This is rooted from the 'gendered' division of labour at household level. The burden of housework, child care, sometimes barriers in using Vietnamese language, and other social stereotypes hinder the women's access to paid job opportunities outside their residential areas. Therefore, household agricultural production activities remained their main livelihood option. Meanwhile, most of the men in the surveyed areas had the chance to join the non-agricultural labour market (mainly outside their residential areas). This led to the fact that women tended to become the main labourer of the family, including taking part in PD and RPRM activities.

The female group discussions revealed that, ***despite being the main participants of PD and RPRM projects, the women were not the key decision-makers in using income generated from such activities*** and, more broadly, in other areas related to household livelihoods. The participation of women in the Programme's PD activities has not improved their status and their voice in the decision making process. This is why, in some cases, the active participation of women in PD supporting activities might exaggerate their existing burden.

về nội dung hỗ trợ lại do cấp huyện và thậm chí là cấp tỉnh có ý kiến chỉ đạo. **Điều đó góp phần dẫn đến các hoạt động hỗ trợ PTSX chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển sinh kế đa dạng của phụ nữ.**

Giới chưa phải là một tiêu chí ưu tiên trong quá trình xét duyệt các hộ được nhận hỗ trợ PTSX, NRMHGN tại địa bàn khảo sát. Quy trình phổ biến là khi một dự án PTSX được phê duyệt thì xã sẽ phân bổ **số lượng hộ** được tham gia vào dự án về các thôn; tiếp đó cán bộ thôn sẽ tổ chức họp bình xét nhằm chọn ra các hộ hưởng lợi. Tại các cuộc họp thôn thì tiêu chí để xét bao gồm là hộ nghèo/cận nghèo, có tư liệu sản xuất phù hợp với nội dung hỗ trợ và có lao động. Nhiều địa phương tập trung nguồn lực cho các hộ đăng ký thoát nghèo.

Trong khi sự tham gia của phụ nữ vào LHK lựa chọn các hoạt động PTSX và NRMHGN còn hạn chế, thì **phụ nữ lại có vai trò chính trong triển khai các dự án PTSX hay NRMHGN đã được phê duyệt; phụ nữ cũng là đối tượng tham gia chính vào các hoạt động tập huấn kỹ thuật.** Điều này xuất phát từ đặc điểm phân công lao động ‘mang tính giới’ ở cấp hộ gia đình. Với gánh nặng việc nhà, chăm sóc con trẻ, đôi khi cộng thêm rào cản về khả năng sử dụng tiếng phổ thông và những định kiến xã hội khác, nên phụ nữ gặp hạn chế về khả năng tiếp cận đối với các cơ hội việc làm tạo thu nhập ngoài địa bàn cư trú. Do đó, lựa chọn sinh kế chính với phụ nữ vẫn là sản xuất nông nghiệp cấp hộ gia đình. Trong khi đó, phần lớn nam giới tại địa bàn khảo sát có cơ hội tham gia vào thị trường lao động phi nông nghiệp (chủ yếu là ngoài địa bàn cư trú). Vì vậy, phụ nữ dễ trở thành đối tượng lao động chính trong gia đình, bao gồm việc đảm nhiệm các hoạt động hỗ trợ PTSX và NRMHGN.

Kết quả thảo luận nhóm với các nhóm nữ cho thấy **dù là người tham gia chính vào các dự án PTSX, NRMHGN nhưng chị em lại không phải là người ra quyết định chính trong sử dụng thu nhập từ hoạt động đó** và rộng hơn là các quyết định khác liên quan đến sinh kế hộ gia đình. Vai trò của phụ nữ trong thực hiện các hoạt động PTSX của Chương trình chưa mang lại được sự cải thiện vị thế và tiếng nói của phụ nữ trong quá trình ra quyết định. Vì vậy, trong một số trường hợp, sự tham gia tích cực của phụ nữ vào các hoạt động hỗ trợ PTSX này có thể là yếu tố gia tăng gánh nặng ‘kép’ cho họ.

1.4 Gender mainstreaming in NTP-SPR's capacity building activities

In terms of capacity building for officials, *the identification of training course participants was mainly based on matching the course contents with the positions. Gender-intensive subjects and gender equality promotion approach were not covered* by capacity building activities of NTP-SPR. The survey showed that gender was often 'mainstreamed' during the dissemination of guidance or update of the Programme-related mechanisms and policies. With *contents not being diversified, training organisation remaining simple, and courses taking place far too often*, many officials said the capacity building activities as they were conducted have not been highly effective.

NTP-SPR capacity building activities for the public have only been conducted under the framework of the Programme 135 and its guidance for implementation, and guidance of the Committee on Ethnic Minority Affairs in Circular No. 01/2017/TT-UBDT on ethnic minority policies, etc. According to the survey, *the contents of such capacity building activities were not much different from the training courses* of the previous NTP-SPR; participants were limited to hamlet officials and prestigious people; and the trainings lasted only one morning or afternoon. Therefore, significant changes to the training course's contents, participants and training method are needed to improve the activity's efficiency.

1.4 Về thực hiện lồng ghép giới trong các hoạt động nâng cao năng lực của CTMTQG GNBV

Với các hoạt động nâng cao năng lực (NCNL) cho cán bộ, **việc xác định thành phần tham gia các khóa tập huấn chủ yếu dựa trên sự phù hợp giữa nội dung NCNL và vị trí công tác của cán bộ**. Về nội dung, **chưa có các chuyên đề chuyên sâu về giới và phương pháp thúc đẩy bình đẳng giới** trong các hoạt động NCNL từ nguồn vốn của CTMTQG GNBV. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng giới thường được 'lồng ghép' trong quá trình truyền đạt các hướng dẫn hoặc cập nhật cơ chế, chính sách liên quan đến Chương trình. **Với nội dung kém phong phú, phương pháp tổ chức được đánh giá là còn đơn giản**, cộng thêm tần suất cao các hoạt động tập huấn nên nhiều cán bộ cho biết hoạt động NCNL (theo cách như hiện nay) chưa đem lại hiệu quả cao.

Hoạt động NCNL cho cộng đồng thì CTMTQG GNBV chỉ có trong khuôn khổ của Chương trình 135, thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc (Thông tư 01/2017/TT-UBDT) với các nội dung về chính sách dân tộc, Chương trình 135 và các nội dung về tổ chức thực hiện Chương trình,... Theo kết quả khảo sát, **nội dung không khác nhiều so với các đợt tập huấn** đã tổ chức trong giai đoạn trước; đối tượng tham gia giới hạn ở cán bộ thôn bản, người có uy tín; hình thức vẫn là tập huấn ngắn trong một buổi. Do đó, để nâng cao hiệu quả thì cần có sự thay đổi cả về nội dung, đối tượng, và phương pháp tập huấn.

2. Obstacles to the NTP-SPR gender mainstreaming activities

In terms of *institutions and policies*, the consultations showed that ***it does not work if gender mainstreaming is only based on the principle of 'giving priority to women'***. This principle was applied in the previous NTP-SPR. In 2016-2020, ***it has not been turned into specific mechanisms, remaining a principle in theory at both national and local levels***. According to local officials of the surveyed areas, the implementation of the principle encountered many difficulties or could be omitted since it was qualitative and lacked explicit regulations, guidance for implementation as well as monitoring indicators and mechanism.

Resources for gender mainstreaming remain limited. The 2016-2020 NTP-SPR does not allocate budget for gender priorities. This is also the current practice in other poverty reduction programmes and policies. In the surveyed provinces, there was only one budget line earmarked with 'gender' content in the provincial budget, i.e. the budget allocated for the Provincial Committee for the Advancement of Women (about 120-150 million VND, or nearly 5,200-6,500 USD, per year). Some projects implemented in collaboration with development partners provided resources for women to implement, thus improving their income and status. Examples include the RPDM2 project funded by the World Bank in Lao Cai and an IFAD-funded project in Bac Kan, Ninh Thuan and Tra Vinh provinces.

Gender mainstreaming capacity of relevant officials is limited. The surveyed officials agreed on the gender mainstreaming principle of NTP-SPR but saw ***the way to implement it a challenge***. Meanwhile, capacity building activities failed to provide officials with relevant knowledge. Due to the lack of gender mainstreaming methods and skills for policy implementation, grassroots-level officials ***paid more attention to the identification of poor and near-poor households as policy beneficiaries while failing to take gender factors into account***.

Obstacles generated from gender stereotypes: Gender equality in the surveyed

2. Cản trở đối với thực hiện lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV

Về thể chế, chính sách, kết quả tham vấn cho thấy **lồng ghép giới thông qua nguyên tắc ‘ưu tiên phụ nữ’ là chưa đủ.** Nguyên tắc này cũng áp dụng từ giai đoạn trước của CTMTQG GNBV. Đến giai đoạn 2016-2020, **nguyên tắc trên cũng chưa được cụ thể hóa thành các cơ chế cụ thể mà vẫn chỉ dừng lại ở nguyên tắc** ở cả cấp Trung ương và địa phương. Theo ý kiến của các cán bộ địa phương tại địa bàn khảo sát, với một nguyên tắc có tính định tính, thiếu quy định rõ ràng và hướng dẫn thực hiện, thiếu chỉ số và cơ chế giám sát thực hiện nên việc thực hiện trong thực tế gặp rất nhiều khó khăn hoặc có thể bị bỏ qua.

Nguồn lực thực hiện lồng ghép giới còn rất hạn chế. CTMTQG GNBV giai đoạn 2016-2020 không có phân bổ ngân sách cho các ưu tiên về giới. Đây cũng là thực tế với các chương trình, chính sách giảm nghèo hiện hành. Tại các tỉnh khảo sát, ngân sách tỉnh chỉ có một dòng duy nhất có ghi rõ nội dung ‘giới’ là ngân sách cấp cho Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh (khoảng 120-150 triệu đồng/năm). Thực hành tại một số dự án hợp tác với các đối tác phát triển (như Dự án NMPRP2 với NHTG tại Lào Cai; Dự án với IFAD tại Bắc Kạn, Ninh Thuận, và Trà Vinh) đã có những nguồn lực phân bổ trực tiếp cho phụ nữ thực hiện và phát huy được tác dụng tốt trong cải thiện thu nhập và vị thế của phụ nữ.

Năng lực thực hiện lồng ghép giới của đội ngũ cán bộ liên quan còn hạn chế. Có sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ được khảo sát về nguyên tắc lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV nhưng **triển khai lồng ghép giới như thế nào, cách thức ra sao là khó khăn lớn.** Trong khi đó, các hoạt động NCNL cho cán bộ chưa trang bị những nội dung này. Thiếu phương pháp và kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong triển khai chính sách nên cán bộ cơ sở vẫn **coi trọng việc xác định đúng đối tượng nghèo, cận nghèo trong thụ hưởng chính sách mà chưa tính đến yếu tố giới.**

Cản trở xuất phát từ những định kiến giới: Bình đẳng giới tại địa bàn khảo sát

areas was still considered as a women's issue. The perception that gender equality referred merely to the sharing of housework between men and women remained popular; the women's roles and voices in the decision making process were clearly recognised. The labour division at household level put the responsibilities of housework, child care and agricultural production activities on the shoulders of the women, hence restraining them from accessing livelihood opportunities outside their residential areas.

The Women's Union has not been given suitable opportunities to play a full role in NTP-SPR. Despite evidence and good practices showcasing the roles of the Women's Unions in policy implementation (e.g. their roles in the implementation of concessional credit policies of the Vietnam Bank for Social Policies, vocational training and in projects conducted in collaboration with development partners), a mechanism to encourage the active participation of the Women's Union in NTP-SPR implementation has not been put in place.

vấn hay được xem là vấn đề của phụ nữ. Vẫn tồn tại phổ biến quan niệm cho rằng bình đẳng giới chỉ thuần túy là chia sẻ công việc gia đình giữa nam và nữ, trong khi vai trò và tiếng nói của phụ nữ trong quá trình ra quyết định vẫn chưa được nhìn nhận rõ ràng. Phân công lao động cấp hộ gia đình vẫn đặt trách nhiệm nội trợ, chăm sóc con trẻ và các hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người phụ nữ nên đã giới hạn khả năng tiếp cận với các cơ hội sinh kế ngoài địa bàn cư trú.

Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) chưa được tạo điều kiện và cơ hội phù hợp để thực sự phát huy được trong thực hiện CTMTQG GNBV. Mặc dù đã có những bằng chứng và thực hành tốt cho thấy vai trò của Hội LHPN trong thực hiện chính sách giảm nghèo (như vai trò của Hội LHPN trong chính sách tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách Xã hội, dạy nghề hay trong một số dự án hợp tác với các đối tác phát triển) nhưng trong CTMTQG GNBV vẫn chưa có một cơ chế để huy động sự tham gia tích cực của Hội LHPN trong việc tổ chức thực hiện.

3. Recommendations to promote gender mainstreaming

The recommendations of this report are divided into two categories.

The first category consists of general recommendations on gender mainstreaming that should be applied in poverty reduction programmes and policies. These recommendations found the basis for proposing measures to promote gender mainstreaming in the next period of NTP-SPR; they are also significant to the dialogue on poverty reduction policy formulation after 2020.

The second category contains short term recommendations to promote gender mainstreaming in the implementation of NTP-SPR from now to 2020.

3.1 Gender mainstreaming recommendations for poverty reduction programmes and policies

Firstly, it is important to change the gender mainstreaming approach in poverty reduction programmes and policies. This report highlights the important finding that ***gender mainstreaming by solely applying the principle of ‘giving priority to women’ is a way too narrow to ensure the promotion of gender equality in poverty reduction activities.*** A broader approach for gender mainstreaming should be sought in NTP-SPR in particular and poverty reduction policies in general. This is the area where development partners can share their experience and cooperate with MOLISA and relevant authorities to shape a suitable approach for poverty reduction policies of Vietnam in the time to come.

Gender mainstreaming in poverty reduction programmes and policies should be specified in the forms of mechanisms and regulations, including budget allocation. The inclusion of gender equality principles in poverty reduction programmes and policies might not be sufficient to ensure actual gender mainstreaming; specific and enforced regulations and policies should be formulated, including budget allocation for activities pertaining to gender equality. In addition, active measures are required, such as setting the minimum rate of women’s participation in the planning and implementation of poverty reduction programmes and policies.

3. Khuyến nghị thúc đẩy lồng ghép giới

Báo cáo này đưa ra các khuyến nghị theo hai nhóm.

Nhóm thứ nhất là các khuyến nghị chung về lồng ghép giới trong các chương trình, chính sách giảm nghèo. Nhóm khuyến nghị này là cơ sở để đề xuất một số biện pháp thúc đẩy thực hiện lồng ghép giới trong giai đoạn tiếp theo của CTMTQG GNBV, và cũng ý nghĩa với quá trình đối thoại xây dựng chính sách giảm nghèo sau 2020.

Nhóm thứ hai gồm các khuyến nghị mang tính ngắn hạn thúc đẩy thực hiện lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV đến năm 2020.

3.1 Khuyến nghị về lồng ghép giới trong các chương trình, chính sách giảm nghèo

Trước hết, cần thay đổi cách tiếp cận về lồng ghép giới trong các chương trình, chính sách giảm nghèo. Báo cáo này nhấn mạnh phát hiện quan trọng rằng: **lồng ghép giới bằng nguyên tắc ‘ưu tiên phụ nữ’ là cách tiếp cận quá hẹp để đảm bảo có thể thúc đẩy được bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo.** Vì vậy, cần một cách tiếp cận rộng hơn về lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV nói riêng và các chính sách giảm nghèo nói chung. Đây là vấn đề mà các đối tác phát triển có thể chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác cùng với Bộ LĐTBXH và các cơ quan hữu quan để định hình cách tiếp cận lồng ghép giới trong các chính sách giảm nghèo của Việt Nam trong thời gian tới.

Lồng ghép giới trong các chương trình, chính sách giảm nghèo cần được cụ thể hóa các cơ chế và quy định cụ thể, bao gồm cả phân bổ ngân sách. Nhằm đảm bảo lồng ghép giới được thực hiện trên thực tế, có lẽ việc đưa các nguyên tắc bình đẳng giới vào trong các chương trình, chính sách giảm nghèo vẫn chưa đủ mà cần có những quy định và cơ chế cụ thể, có hiệu lực thực thi, bao gồm cả phân bổ ngân sách cho các hoạt động có nội dung về bình đẳng giới. Bên cạnh đó, cần có những hành động tích cực bằng cách đưa ra các tỷ lệ tối thiểu về sự tham gia của phụ nữ trong LKH và tổ chức thực hiện các nội dung của chương trình, chính sách giảm nghèo.

Institutionalisation of the participatory planning process. This is the most fundamental and important mechanism to ensure women's voice and roles in the decision over the use of resources provided by poverty reduction programmes and policies. A consistent guidance on commune's participatory planning of socio-economic development should be formulated at national level, including specific regulations on the roles of women in such procedures in particular and of the Women's Union in general, the way to promote women's voice and to attain the requirement of minimum rate of women's participation in hamlet-level planning meetings, and suitable monitoring mechanisms.

The designing of components for women should be considered in poverty reduction programmes. The design of poverty reduction programmes and policies should consider a component/sub-component for female beneficiaries. It should also be noted that projects reserved for women do not ensure gender equality promotion if failing to improve the women's voice and right to make decisions. However, this is a significant step towards decentralisation and women empowerment, which also contributes to their improved empowerment.

It is critical to conduct ***capacity building activities on gender mainstreaming for officials who are in charge of poverty reduction.*** The contents of such activities should focus on the methods and skills to mainstream gender into the implementation of the poverty reduction programmes and policies. ***Innovative approach should be applied to capacity building activities for poverty reduction officials.*** It relates to participatory learning and giving opportunities so that the students can learn and acquire new skills through the comparison with their own experiences as well as through practicing. Gender- and cultural-sensitiveness should be included in the training courses. In this way, the implementing authorities will have the knowledge, skills and respect for local traditions, so that they can take into account local practices related to gender roles and relations.

Enhanced communication about gender equality, highlighting the benefits of gender mainstreaming into sustainable poverty reduction and promoting dialogical communication activities. The poverty reduction communication should include intensive gender equality topics to help decrease or transform gender stereotypes; communication on ethnic minority women's successes in escaping or reducing poverty should be strengthened to improve women's self-confidence and self-help, particularly ethnic minority women's.

Poverty reduction policies should ensure gender equality in accessing to labour market. Access to labour markets has become one of the important momentums to improve the living standards of many poor households in recent years. In addition to proper skills and sufficient information about the labour market, additional measures should be conducted to remove the gender-based labour division barriers, thus facilitating the women's access to labour market. Developing, piloting

Thể chế hóa quy trình LKH có sự tham gia. Đây là cơ chế cơ bản và quan trọng nhất nhằm đảm bảo cho phụ nữ có tiếng nói, vai trò trong quyết định sử dụng nguồn lực từ các chương trình, chính sách giảm nghèo. Cần có hướng dẫn thống nhất từ TƯ về quy trình LKH phát triển kinh tế-xã hội có sự tham gia ở cấp xã, trong đó đưa ra quy định cụ thể về vai trò của phụ nữ nói riêng và Hội LHPN nói chung trong quy trình, cách thức phát huy tiếng nói của phụ nữ, đáp ứng tỷ lệ tối thiểu phụ nữ tham gia trong các cuộc họp LKH cấp thôn bản và cơ chế giám sát phù hợp.

Cân nhắc về thiết kế hợp phần cho phụ nữ trong các chương trình giảm nghèo. Về thiết kế chương trình và chính sách giảm nghèo nên cân nhắc có hợp phần/ tiểu hợp phần dành cho đối tượng hưởng lợi là phụ nữ. Cũng lưu ý rằng các dự án riêng cho phụ nữ chưa chắc có thể thúc đẩy được bình đẳng giới nếu không cải thiện được tiếng nói và quyền ra quyết định của phụ nữ. Dù vậy, một tiểu hợp phần/tiểu dự án giao cho phụ nữ quyết định và tổ chức thực hiện sẽ là một bước đi quan trọng trong phân cấp, trao quyền cho phụ nữ và có thể góp phần tích cực vào cải thiện quyền năng của họ.

NCNL thực hiện lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo là hết sức cần thiết. Về nội dung cần tập trung vào các phương pháp, kỹ năng lồng ghép giới trong quá trình thực hiện chương trình, chính sách giảm nghèo. Về phương pháp, **cần có sự đổi mới trong phương thức tiếp cận NCNL cho cán bộ giảm nghèo.** Phương pháp học tập mang tính tham gia, tạo cơ hội cho các học viên học hỏi và tiếp thu các kỹ năng mới thông qua đối chiếu với kinh nghiệm thực tiễn của họ và thực hành. Các vấn đề về nhạy cảm văn hóa, nhạy cảm giới cần được đưa vào nội dung tập huấn, để qua đó, các cán bộ thực thi có hiểu biết, sự tôn trọng và kỹ năng phù hợp để hiểu và cân nhắc, xem xét sự đa dạng trong tập tục địa phương, nhất là các thực hành xoay quanh vai trò và mối quan hệ giới.

Thúc đẩy truyền thông về bình đẳng giới, nhấn mạnh lợi ích từ việc lồng ghép giới vào công tác giảm nghèo bền vững và tăng cường tính đối thoại trong các hoạt động truyền thông. Công tác truyền thông giảm nghèo cần có nhiều nội dung chuyên sâu về bình đẳng giới để góp phần giảm hoặc chuyển đổi các định kiến về giới; tăng cường truyền thông về các trường hợp phụ nữ DTTS thành công trong nỗ lực giảm/thoát nghèo để từ đó góp phần nâng cao tính tự lực, tự tin của phụ nữ, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số.

Bình đẳng giới về tiếp cận thị trường lao động trong các chính sách giảm nghèo. Tiếp cận thị trường lao động những năm gần đây đang trở thành một trong những xung lực quan trọng góp phần cải thiện mức sống của nhiều nông hộ nghèo. Đối với phụ nữ, ngoài việc chuẩn bị về kỹ năng và cung cấp thông tin đầy đủ về thị trường lao động, vẫn cần có thêm các biện pháp đồng thời để giảm thiểu các rào cản từ việc phân công lao động mang tính giới. Xây dựng, thí điểm và quảng bá

and publicising ideas and good practices that ensure friendly working environments for female workers should also be given priority in labour market policies.

Promoting the roles of the provincial People's Council and People's Committee in formulating mechanisms and guidance for the implementation of national programmes and policies to ensure their suitability for local conditions and gender equality promotion. Note that the People's Councils and People's Committees issue Resolutions or Decisions with a basis on suggestions provided in the draft policies submitted by specialised departments and agencies. It is therefore necessary to improve the capacity for provincial departments and agencies on gender equality policy analysis and advice.

3.2 Recommendations on strengthening gender mainstreaming in NTP-SPR activities in 2019-2020

Recommendations for MOLISA

To provide guidance on gender mainstreaming into the planning process in provinces where participatory planning process has been institutionalised. MOLISA should consider to take the lead role in collaborating with relevant ministries and agencies to guide the adjustment of planning process in certain provinces so that it meets the planning requirements of NTP implementation. Within this activity, MOLISA can also provide more detailed guidance on how to promote women's voice and priorities during the planning process.

To pilot the formulation of guidance on implementing gender equality principle for some provinces. MOLISA (i.e. the National Office for Poverty Reduction and the Department of Gender Equality) guides certain provinces to formulate regulations and mechanisms on the implementation of gender equality principles for local application until the end of 2020. Lessons will be drawn for activities of the next NTP.

To pilot a women-led PD and RPRM sub-project. MOLISA in collaboration with MARD guides certain provinces to pilot a women-led sub-project, using the NTP-SPR fund allocated for PD. Documentation and evaluation of the pilots should be done to draw lessons for the design of post-2020 poverty reduction policies.

To develop guidance or issue instructions on poverty reduction capacity building and communication activities for more effective utilisation of NTP-SPR resources in the second half of the Programme. Innovations should be made to capacity building to enable the shift from disseminating policies to providing knowledge and skills on community development, poverty reduction, environmental and social issues, and gender equality.

các sáng kiến, thực hành tốt trong việc đảm bảo môi trường làm việc thân thiện cho lao động nữ cũng nên là ưu tiên trong chính sách thị trường lao động.

Phát huy thẩm quyền của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các tỉnh trong xây dựng những cơ chế, hướng dẫn trong tổ chức thực hiện các chương trình và chính sách từ Trung ương để phù hợp với đặc thù của địa phương và thúc đẩy bình đẳng giới. Tuy nhiên, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân chỉ ban hành Nghị quyết hay Quyết định trên cơ sở đề nghị của các sở ngành chuyên môn tham mưu trình dự thảo chính sách. Do đó, cần nâng cao năng lực phân tích và tham mưu chính sách về bình đẳng giới cho các sở, ngành cấp tỉnh.

3.2 Khuyến nghị về tăng cường lồng ghép giới trong CTMTQG GNBV giai đoạn 2019-2020

Khuyến nghị với Bộ LĐTBXH

Hướng dẫn về lồng ghép giới trong công tác LKH tại các tỉnh đã thể chế hóa quy trình LKH có sự tham gia. Bộ LĐTBXH cần nhắc chủ trì phối hợp với các bộ ngành liên quan để hướng dẫn một số tỉnh điều chỉnh lại quy trình LKH để tích hợp một cách đầy đủ hơn yêu cầu về LKH thực hiện các CTMTQG. Qua đó kết hợp đưa ra các hướng dẫn cụ thể hơn về cách thức đảm bảo phát huy tiếng nói và ưu tiên của phụ nữ trong quá trình LKH.

Thí điểm xây dựng hướng dẫn cho một số tỉnh thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới. Bộ LĐTBXH (Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo và Vực Bình đẳng giới) hướng dẫn một số tỉnh xây dựng quy định và cơ chế triển khai nguyên tắc bình đẳng giới áp dụng tại địa phương đến hết 2020 và rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Thí điểm một tiểu dự án về hỗ trợ PTSX và NRMHGN giao cho phụ nữ thực hiện. Bộ LĐTBXH phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn một số tỉnh thực hiện thí điểm việc sử dụng một phần kinh phí của CTMTQG GNBV cho các hoạt động hỗ trợ PTSX để thực hiện một ‘tiểu dự án’ về hỗ trợ PTSX do phụ nữ quản lý. Trên cơ sở thí điểm, tiến hành tài liệu hóa và đánh giá, rút kinh nghiệm cho thiết kế chính sách giảm nghèo sau 2020.

Bộ LĐTBXH xây dựng quy định hướng dẫn hoặc ban hành văn bản chỉ đạo về công tác NCNL và truyền thông giảm nghèo để các nguồn lực của CTMTQG GNBV cho hai hoạt động này trong thời gian còn lại của chương trình được thực hiện hiệu quả hơn. Cần có sự đổi mới trong công tác NCNL để chuyển từ trọng tâm phổ biến chính sách sang trang bị kiến thức và kỹ năng về phát triển cộng đồng, giảm nghèo, môi trường và xã hội, bình đẳng giới.

Recommendations to local authorities and development partners

This report recommends that provinces having poverty reduction projects funded by development partners should ***take specific actions to join force with these projects so as to ensure the promotion of gender mainstreaming into poverty reduction efforts***. These activities might share the same focus with the recommendations for MOLISA mentioned above. It means that the provinces should collaborate with these projects to (i) refine the planning procedure to make it participatory and include gender mainstreaming; (ii) assign certain resources to women to take charge and benefit; (iii) pilot the guidance on ‘giving priority to women’ principle in NTP-SPR activities in the locality; and (iv) develop capacity building programmes for grassroots officials focusing on gender mainstreaming and provide training courses accordingly.

This report recommends that ***development partners should provide further technical assistance to the Government of Vietnam to promote gender mainstreaming into the implementation of NTP-SPR as well as poverty reduction programmes and policies in general and those to be implemented after 2020 in particular***. Such technical assistance can be provided in the forms of assessing good practices and lessons on gender mainstreaming into poverty reduction activities and sharing evaluation results to facilitate the active dialogue for policy formulation. In addition, capacity building activities for grassroots-level officials should be renewed to include gender mainstreaming while capacity building on making policies related to gender mainstreaming should be provided to the People’s Councils.

Khuyến nghị với các địa phương và đối tác phát triển

Báo cáo khuyến nghị các tỉnh đang có các dự án có trọng tâm về giảm nghèo của các đối tác phát triển ***có các hành động cụ thể để hợp tác với các dự án này nhằm thúc đẩy lồng ghép giới trong giảm nghèo***. Trọng tâm của các hành động này có thể trùng với trọng tâm các khuyến nghị với Bộ LĐTBXH ở trên. Theo đó, có thể cân nhắc hợp tác để (i) đổi mới công tác LKH có sự tham gia và lồng ghép giới; (ii) có các nguồn lực nhất định giao cho phụ nữ trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hưởng lợi; (iii) thí điểm hướng dẫn thực hiện nguyên tắc ‘ưu tiên phụ nữ’ trong CTMTQG GNBV tại địa phương; và (iv) xây dựng chương trình NCNL cho cán bộ cơ sở về thực hiện lồng ghép giới và xây dựng năng lực tập huấn theo chương trình đó.

Báo cáo khuyến nghị các đối tác phát triển ***tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ Việt Nam để thúc đẩy bình đẳng giới trong CTMTQG GNBV nói riêng và trong các chương trình, chính sách giảm nghèo nói chung, nhất là các chương trình và chính sách giảm nghèo sau 2020***. Các hỗ trợ kỹ thuật này có thể được thực hiện thông qua đánh giá các thực hành tốt, bài học kinh nghiệm về lồng ghép giới trong giảm nghèo, chia sẻ các kết quả đánh giá, và từ đó tham gia vào đối thoại xây dựng chính sách một cách tích cực. Ngoài ra, một nội dung khác của hỗ trợ kỹ thuật nên cân nhắc là đổi mới công tác NCNL cho cán bộ cơ sở về lồng ghép giới cũng như NCNL cho cơ quan Hội đồng Nhân dân trong hoạch định các chính sách về lồng ghép giới.

**Bản Tóm tắt Báo cáo Đánh giá Độc lập
Phân tích Giới trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia
Giảm nghèo Bền vững
(giai đoạn 2016-2020)**

Nếu có góp ý hoặc yêu cầu bản đánh giá đầy đủ, vui lòng liên hệ với chúng tôi tại: info@care.org.vn

Mọi nội dung trong tài liệu không phản ánh quan điểm của Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia.

Ảnh bìa trước: ©Đỗ Trường Sơn/CARE

**Summary of the Independent Evaluation Report
Gender Analysis of the National Target Programme
on Sustainable Poverty Reduction
(2016-2020)**

In case of questions about this summary report or request for the full report, kindly contact us at:
info@care.org.vn

All contents in this document do not reflect the viewpoint of the Australian Department of Foreign Affairs and Trade.

Front page photo: ©Đỗ Trường Sơn/CARE

